

Bản án số: 99/2018/DS - PT

Ngày: 09-10-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2016/TLPT-DS ngày 03/10/2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DSST ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXX-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th (Th), sinh năm 1981(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Dũng - Luật sư, Văn phòng luật sư D, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Hiền Nh-Luật sư, Công ty luật TNHH Nhơn - Danh, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 231/96 Dương Bá T, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Đình D, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Vũ Thị H .
5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Th, người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Th trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 18/12/2014 bà Lê Thị Th(Th) có cho bà Vũ Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), bà H viết giấy mượn tiền có nội dung “ngày 18/12/2014 chị H mượn Th đen là 500.000.000 (năm trăm triệu đồng chẵn)” và ký nhận; Riêng tiền lãi thỏa thuận bằng miệng là 4%/ 1 tháng; Thời hạn trả 01 tháng kể từ ngày vay. Số tiền 500.000.000 đồng bà cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng bà Th, ông D nhưng khi cho vay chỉ có mình bà Th đứng tên nên khi khởi kiện mình bà Th đứng tên khởi kiện. Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Hòa chưa trả tiền gốc và lãi nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hòa trả cho bà Thấm, ông D số tiền đã vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi tính theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Bà Vũ Thị H trình bày: Bà H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn vì bà không còn nợ bà Th khoản tiền nào như nguyên đơn trình bày.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày bổ sung: Giấy viết tay nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có nội dung “ngày 18/12/2014 chị H mượn Th đen là 500.000.000 (năm trăm triệu đồng chẵn)” không phải do bà H viết và ký. Vì vậy, bà H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà Th và ông D .

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D trình bày: Ông là chồng bà Th, số tiền 500.000.000 đồng cho bà H vay là tài sản chung của ông với bà Th, nhưng khi cho vay chỉ có mình bà Th đứng tên, giao tiền nên ông đồng ý để mình bà Th đứng tên đơn khởi kiện. Ông thống nhất các ý kiến bà Th trình bày, yêu cầu bà Vũ Thị H phải trả cho ông và bà Th số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn Lê Thị Th (Th) đối với bị đơn Vũ Thị H ; Buộc Bà Vũ Thị H phải trả cho bà Lê Thị Th (Th) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Phan Đình D số tiền vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 72.375.000 đồng, tổng cộng số tiền phải trả là 572.375.000 đồng (Năm trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2015/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đương nhiên hết hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Buộc Bà Vũ Thị H nộp 22.895.000đ án phí dân sự sơ thẩm vụ án; Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Lê Thị Th (Th) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000đ theo Biên lai thu tiền số 0020439 ngày 23/11/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/8/2016 Bà Vũ Thị H có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án số 10/2016/DSST ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện B .

Ngày 12/8/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ/KNPTDS kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2016/Ds-ST ngày 29/7/2016. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử Phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) và bị đơn Bà Vũ Thị H thống nhất thỏa thuận được với nhau về số nợ, lãi suất và phương thức trả nợ như sau:

Về nợ gốc: Bị đơn Bà Vũ Thị H còn nợ nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Lãi suất của 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) là: 72.375.000 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Phương thức trả nợ: Bị đơn Bà Vũ Thị H sẽ trả nợ gốc và lãi suất cho nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) và Ông Phan Đình D trong thời hạn 02 tháng, tính từ ngày 09/10/2018 (dương lịch). Đồng thời thống nhất việc tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo Thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Thống nhất theo thỏa thuận của các bên đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B . Sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về số nợ, lãi suất và phương thức trả nợ cũng như việc tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo Thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về nợ gốc: Bị đơn Bà Vũ Thị H còn nợ nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Lãi suất của 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) là: 72.375.000 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Phương thức trả nợ: Bị đơn Bà Vũ Thị H sẽ trả nợ gốc và lãi suất cho nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) và Ông Phan Đình D trong thời hạn 02 tháng, tính từ ngày 09/10/2018 (dương lịch). Đồng thời thống nhất việc tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo Thi hành án.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc hay lừa dối và đúng theo quy định pháp luật. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) và bị đơn Bà Vũ Thị H . Sửa án dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Bà Vũ Thị H phải chịu là 22.895.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, nên bị đơn Bà Vũ Thị H không phải chịu.

Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí giám định tại cấp phúc thẩm là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) bà H phải chịu được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, 309, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Vũ Thị H .

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) với bị đơn Bà Vũ Thị H .

Buộc bị đơn Bà Vũ Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Th (Th) và Ông Phan Đình D số tiền gốc: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Lãi suất của 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) là: 72.375.000 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Phương thức trả nợ: Bị đơn bà H sẽ trả nợ gốc và lãi suất cho nguyên đơn bà Th (Th đen) và Ông Phan Đình D trong thời hạn 02 tháng, tính từ ngày 09/10/2018 (ương lịch).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2015/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Bình Phước.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn Bà Vũ Thị H phải chịu 22.895.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Lê Thị Th (Th) số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp là 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0020439 ngày 23/11/2015.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị H không phải chịu, hoàn trả cho Bà Vũ Thị H 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020772 ngày 12/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hùng

